

Bản án số: 135/2023/HNGĐ-ST

Ngày 14/12/2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Đỗ Thị Hoài Mơ;

- Ông Nguyễn Hữu Thái.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Thân Thị Hải Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đức Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 12 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 365/2023/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2023 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/11/2023, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn:*** Chị Phạm Thị L, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện L1, tỉnh Bắc Giang.

- ***Bị đơn:*** Anh Lê Văn Th, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã V, huyện L1 tỉnh Bắc Giang.

Các đương sự đều xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn L chị Phạm Thị L trình bày:*

Chị và anh Lê Văn Th kết hôn năm 2015 trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu nhau và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện L1.

Sau khi cưới, chị và anh Th về ở với nhau, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và đã có 1 con chung: Lê Thị Phương Th, sinh ngày 10/10/2015.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Từ năm 2015, sau khi sinh con chung, chị và anh Th thường xuyên cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và Lm ăn; anh Th thường xuyên uống rượu, cờ bạc; hay mắng chửi vợ con, chị phải chịu nhin, đã có lần anh Th uống rượu về gây sự với chị và đã đánh chị. Chị nhiều lần đã khuyên giải anh Th, nhưng anh Th không nghe. Đến nay chị và anh Th đã sống ly thân, chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở. Chị và anh Th không còn quan hệ vợ chồng nữa. Chị thấy không còn tình cảm với anh Th, nên đề nghị tòa án cho được ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh Th có một con chung như trình bày ở trên. Nếu được ly hôn chị xin nuôi con.

Chị yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L 2 triệu đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Hiện nay chị đi làm công nhân tại Công ty LUXURY tại huyện Việt Yên, thu nhập của chị từ 9-10 triệu đồng/tháng, đủ điều kiện để nuôi con. Ngoài ra bố mẹ đẻ chị có thể hỗ trợ nuôi con cho chị.

- Về tài sản: Đề chị và anh Th tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

* Bị đơn, anh Lê Văn Th trình bày: Anh công nhận điều kiện kết hôn và thời gian kết hôn, quá trình chung sống như chị L trình bày L đúng. Sau khi kết hôn, anh và chị L về ở với nhau ngay. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc và đã có 1 con chung: Lê Thị Phương Th, sinh ngày 10/10/2015.

Vợ chồng mâu thuẫn đã lâu, hai bên gia đình đã hòa giải, nhưng chị L không nghe, cả hai đã sống ly thân. Chị L xin ly hôn anh đồng ý, đến nay anh cũng không còn tình cảm với chị L.

- Về con chung: Anh và chị L có một con chung như trình bày ở trên. Nếu ly hôn anh đồng ý để chị L tiếp tục nuôi con chung.

Anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L hàng tháng L 2 triệu đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản: Đề anh và chị L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án. Nguyên đơn và bị đơn xin vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã được Tòa án cho thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự; nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều: 51, 56, 82, 83, 84, 107, 110, và 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Các Điều: 28, 35, 39, 147, khoản 1 và 3 Điều 228, 171 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 và 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử lý án phí, lệ phí; xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Lê Văn Th.

- Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị L được trực tiếp nuôi con L Lê Thị Phương Th, sinh ngày 10/10/2015.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L mỗi tháng 2.000.000 đồng/tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi

Anh Th có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở việc thăm con của anh Tài.

- Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

Anh Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam. Sau khi Th luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị Phạm Thị L có đơn xin ly hôn và giải quyết về con chung. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt L BLTTDS) xác định quan hệ pháp luật L: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[1.3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị L và anh Lê Văn Th kết hôn ngày 05/01/2015 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện Lục Nam. Nên đây L hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị L và anh Th về ở với nhau ngay, thời gian đầu hai người sống hạnh phúc và đã có một con chung.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng L do trong quá trình chung sống, hai bên có nhiều điểm không hợp nhau, hay xảy ra cãi nhau, chị L và anh Th sống ly thân đã lâu. Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị L và anh Th về đoàn tụ. Nhưng chị L cương quyết xin ly hôn; anh Th cũng đồng ý ly hôn và không tham gia hòa giải. Như vậy cả chị L và anh Th đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị L được ly hôn anh Th.

[2.3] Về con chung: Chị L và anh Th có 1 con chung L Lê Thị Phương Th, sinh ngày 10/10/2015, hiện chị L đang nuôi. Chị L và anh Th thống nhất để chị L tiếp tục nuôi con.

Xét thấy: Các đương sự thống nhất giao con chung cho chị L tiếp tục nuôi L phù hợp. Do đó cần công nhận sự thỏa thuận này. Giao cho chị L nuôi con chung Lê Thị Phương Th, sinh ngày 10/10/2015 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị L anh và anh Th thống nhất, anh Th cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L 2.000.000 đồng/tháng. Do đó cần chấp nhận. Buộc anh Th phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L 2.000.000 đồng/tháng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; tiền cấp dưỡng nuôi con chung được thi hành ngay.

Sau khi ly hôn anh Th có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Th thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của người con, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con cho phù hợp, nếu sau này các đương sự có yêu cầu và theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

[3] Về tài sản chung: Các bên đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị L L nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS.

Anh Th phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 51, 56, 82, 83, 84, 107, 110, và 116 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị L được ly hôn anh Lê Văn Th .

2. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị L trực tiếp nuôi dưỡng con Lê Thị Phương Th, sinh ngày 10/10/2015 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Buộc anh Lê Văn Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng một tháng) kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi con chung đủ 18 tuổi; tiền cấp dưỡng nuôi con chung được thi hành ngay.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền phải thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi với số tiền chưa thi hành theo mức lãi suất qui định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều: 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (tiền án phí không tính lãi).

Sau khi ly hôn anh Th có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Th thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000738 ngày 12 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Phạm Thị L đã nộp đủ tiền án phí.

Buộc anh Lê Văn Th phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo qui định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã V, huyện Lục Nam;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Lưu HS+VT.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Dương Thế Vinh